Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 4203.21.10

Mã HS	4203.21.10
Mô tả hàng hóa	Hàng may mặc và đồ phụ trợ quần áo, bằng da thuộc hoặc bằng da thuộc tổng hợp / - Găng tay, găng tay hở ngón và găng bao tay: / - - Loại thiết kế đặc biệt dùng cho thể thao: / - - - Găng tay bóng chày và găng tay bóng mềm
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	19/11/2026 07:50:04
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/42032110/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	30	30%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6735
Thuế NK ưu đãi (MFN)	20	20%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6735
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6735
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA)(GIC)	0% (trừ LA)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	4	4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	11.4	11,4%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6526
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6481
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6481
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6481
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6481
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6481
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6481
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	1	AJ!E6531
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6531

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6531
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6531
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6531
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6531
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6531
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6531
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6531
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6531
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6531
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6531
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6533
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6487
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6489
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6489
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6489
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6489
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6489
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6489
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6509
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6509
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6509
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6509
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6509
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6509
VCFTA	2022	2022	4	VC!D6562
VCFTA	2023	2023	2	VC!E6562

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6562
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6562
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6562
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6562
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6544
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6544
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6544
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6544
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6544
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6544
AHKFTA	2022	2022	12	AKH!D6552
AHKFTA	2023	2023	8	AKH!E6552
AHKFTA	2024	2024	8	AKH!F6552
AHKFTA	2025	2025	4	AKH!G6552
AHKFTA	2026	2026	4	AKH!H6552
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6552
EVFTA	2022	2022	10	EV-NK!D6545
EVFTA	2023	2023	6,6	EV-NK!E6545
EVFTA	2024	2024	3,3	EV-NK!F6545
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6545
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6545
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6545
UKVFTA	2022	2022	10	UKV!D6547
UKVFTA	2023	2023	6,6	UKV!E6547
UKVFTA	2024	2024	3,3	UKV!F6547
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6547

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6547
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6547
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6511
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6511
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6511
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6511
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6511
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6511
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6511
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6546
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6546
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6546
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6546
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6546
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6546
RCEP B	2022	2022	0	B!D6546
RCEP B	2023	2023	0	B!E6546
RCEP B	2024	2024	0	B!F6546
RCEP B	2025	2025	0	B!G6546
RCEP B	2026	2026	0	B!H6546
RCEP B	2027	2027	0	B!I6546
RCEP C	2022	2022	0	C!D6546
RCEP C	2023	2023	0	C!E6546
RCEP C	2024	2024	0	C!F6546
RCEP C	2025	2025	0	C!G6546
RCEP C	2026	2026	0	C!H6546

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I6546
RCEP D	2022	2022	0	D!D6546
RCEP D	2023	2023	0	D!E6546
RCEP D	2024	2024	0	D!F6546
RCEP D	2025	2025	0	D!G6546
RCEP D	2026	2026	0	D!H6546
RCEP D	2027	2027	0	D!I6546
RCEP E	2022	2022	0	E!D6549
RCEP E	2023	2023	0	E!E6549
RCEP E	2024	2024	0	E!F6549
RCEP E	2025	2025	0	E!G6549
RCEP E	2026	2026	0	E!H6549
RCEP E	2027	2027	0	E!I6549
RCEP F	2022	2022	0	F!D6546
RCEP F	2023	2023	0	F!E6546
RCEP F	2024	2024	0	F!F6546
RCEP F	2025	2025	0	F!G6546
RCEP F	2026	2026	0	F!H6546
RCEP F	2027	2027	0	F!I6546
VIFTA	2024	2024	17.1	VI!F6046
VIFTA	2025	2025	14.3	VI!G6046
VIFTA	2026	2026	11.4	VI!H6046
VIFTA	2027	2027	8.6	VI!I6046

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-002	ORANGE	Giấy phép / danh mục quản lý	Chính sách mặt hàng tham chiếu danh mục quản lý: HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)		08/2023/TT-BCT	Xác minh hàng hóa có thuộc diện giấy phép, cấm hoặc hạn chế theo văn bản nêu trên.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)*		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
FTA-010	YELLOW	Khác biệt giữa biểu tổng hợp và biểu FTA gốc	AKFTA: biểu tổng hợp BT2026 ghi “0(-LA)(GIC)”, biểu FTA gốc kỳ 2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn) ghi “0”.		119/2022/NĐ-CP	Đối chiếu Nghị định gốc và văn bản sửa đổi để xác định mức chính xác.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 4203.21 có 2 dòng thuế; dòng 4203.21.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Găng tay bóng chày và găng tay bóng mềm.	4203.21.90 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 4203.21.10 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 4203.21.10	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4203.21.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 20% của mã 4203.21.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6735), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Hàng tiêu dùng QSD cấp NK (08/2023/TT-BCT - PL1.I)
HH tạm ngừng KD TNTX CK (08/2023/TT-BCT - PL2)
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)*

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.